TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Hà Tĩnh và Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Việt Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 378/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Xóm V, thôn R, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Xóm V, thôn R, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Cháu Trần Minh Bảo Đ, sinh ngày 25/7/2012; Trần Minh Bảo Q, sinh ngày 14/10/2014; Cùng nơi cư trú: Xóm X, thôn V, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị Nguyễn Thị H. Vắng mặt anh Trần Minh T. Vắng mặt cháu Trần Minh Bảo Đ và Trần Minh Bảo Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Minh T tự nguyện kết

hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 06/2/2012 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Trần Minh T ở tại xã G, huyện T rồi xây dựng nhà ở riêng. Đến năm 2015 thì do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm về lối sống, nguyên nhân do anh Trần Minh T chơi bời cờ bạc, nhậu nhẹt, quan điểm sống khác nhau, anh T chửi bới, đe dọa, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị H, nhiều khi còn đánh chị H, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị H khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H không muốn sống đoàn tụ với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Minh T có 02 con chung là cháu Trần Minh Bảo Đ, sinh ngày 25/7/2012 và cháu Trần Minh Bảo Q, sinh ngày 14/10/2014, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con từ lúc sinh ra đến nay. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu Đ và cháu Q cho đến khi thành niên và yêu cầu anh Trần Minh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/01 tháng/01 con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Minh T xác định là tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Minh T thống nhất xác nhận quan hệ hôn nhân như trình bày của chị H. Anh T thừa nhận trước đây hai vợ chồng tôi có bất đồng quan điểm về lối sống, nguyên nhân do anh T chơi bời cờ bạc, quan điểm sống khác nhau, có khi không kìm chế được bản thân thì có đánh vợ. Anh T xác định hiện nay đã bỏ chơi bời cờ bạc, không đánh vợ nữa, tình cảm vợ chồng vẫn còn, còn yêu thương vợ, do đó anh T không đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị H có 02 con chung là cháu Trần Minh Bảo Đ, sinh ngày 25/7/2012 và cháu Trần Minh Bảo Q, sinh ngày 14/10/2014, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con từ lúc sinh ra đến nay. Nếu ly hôn thì anh T đề nghị Tòa án giao 02 người con chung cho anh Trần Minh T quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu Đăng và cháu Quang cho đến khi thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định là tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh với đại diện thôn 04, xã G, huyện T xác định: Sau khi kết hôn thì chị H và anh Tchung sống một thời gian tại địa phương sau đó hai vợ

chồng đã ly thân với nhau từ khoảng được 04 năm, anh T thì lên tỉnh Bình Dương làm ăn và chị H thì ở với gia đình tại thôn 01, xã Gia An. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và có đánh đập nhau.

Tòa án đã mở phiên hòa giải vào ngày 09/01/2020 và ngày 03/02/2020 để các đương sự hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng anh T cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị H đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Trần Minh Bảo Đ, sinh ngày 25/7/2012 và cháu Trần Minh Bảo Q, sinh ngày 14/10/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh Trần Minh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Đề nghị Tòa án giao 02 con chung là cháu Trần Minh Bảo Đ, sinh ngày 25/7/2012 và cháu Trần Minh Bảo Q, sinh ngày 14/10/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Hkhông yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và việc nuôi con; Các đương sự đều không có yêu cầu nào khác; Vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không cần phải ủy thác tư pháp; Bị đơn có nơi cư trú tại: Xóm X, thôn V, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng bị đơn cố tình vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa để xét xử đối với vụ án.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Minh T đã có bản tự khai, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải tuy nhiên anh Tcó đơn xin lùi thời gian hòa giải, Tòa án đã mở lại phiên hòa giải lần thứ hai vào ngày 03/02/2020, đã tiến hành niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên anh T vẫn cố tình vắng mặt. Xét thấy, bị đơn anh Trần Minh T đã có bản tự khai, đã được Tòa án lấy lời khai đầy đủ, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Minh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 06/2/2012 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù chị H và anh T đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, việc kết hôn là tự nguyện nhưng sau đó hai bên chỉ chung sống một thời gian thì hai bên đã ly thân nên tình cảm vợ chồng chưa thật sự gắn bó. Mặt khác, do anh T chơi bời cờ bạc, nhậu nhẹt, quan điểm sống khác nhau, anh Tchửi bới, đe dọa, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị H, nhiều khi còn đánh chị Hnên chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2015 đến nay. Anh T cũng không đến sống cùng để đoàn tụ, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, tình cảm vợ chồng đã không còn nên mục đích của hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Đến nay, chị H yêu cầu ly hôn. Do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H là phù hợp pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Minh T có 02 con chung là cháu Trần Minh Bảo Đ, sinh ngày 25/7/2012 và cháu Trần Minh Bảo Q, sinh ngày 14/10/2014, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con từ lúc sinh ra đến nay. Quá trình chuẩn bị xét xử, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục 02 con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Trần Minh Bảo Đ, sinh ngày 25/7/2012 và cháu Trần Minh Bảo Q, sinh ngày 14/10/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh Trần Minh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị Tòa án giao 02 con cho anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi cho các con đồng thời xét hoàn cảnh thực tế hiện nay chị H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con, hơn nữa đây là sự tự nguyện của

đương sự nên Hội đồng xét xử sẽ giao các con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H; Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Minh T.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Trần Minh Bảo Đ, sinh ngày 25/7/2012 và cháu Trần Minh Bảo Q, sinh ngày 14/10/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo Biên

lai thu tiền tạm ứng án phí số 0027175 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/3/2020). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã G, huyện T (thay thông báo);
- Lưu: VP, án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Văn Bình